

TỜ TRÌNH

**Về việc quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của
Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.

Thực hiện Chương trình kỳ họp thứ 15 của Hội đồng nhân dân Thành phố khóa XV, Ủy ban nhân dân Thành phố kính trình Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố, cụ thể:

I. Quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố gồm:

1. Quy định nội dung, mức chi thực hiện xây dựng ngân hàng câu trắc nghiệm cho ngành Giáo dục và Đào tạo Hà Nội.
2. Quy định mức chi cho công tác hỗ trợ nạn nhân, mức chi chế độ hỗ trợ nạn nhân của hoạt động mua bán người trên địa bàn Thành phố.
3. Quy định chính sách hỗ trợ khuyến khích sử dụng hình thức hỏa táng trên địa bàn Thành phố.
4. Quy định về mức chi tiền thưởng đối với các danh hiệu, hình thức khen thưởng, giải thưởng của các cuộc thi, hội thi, hội giảng, kỳ thi tay nghề trên địa bàn Thành phố và nội dung, mức chi đối với hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, Hội đồng xét tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng, giải thưởng các cấp.
5. Quy định nội dung, mức chi đối với hoạt động khuyến nông trên địa bàn Thành phố.

II. Nguyên tắc chung xây dựng nội dung, mức chi

1. Các nội dung, mức chi đảm bảo theo đúng quy định của Trung ương và thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân Thành phố.
2. Kế thừa một số nội dung và mức chi đang quy định của Thành phố hiện nay còn phù hợp.
3. Các mức chi đề xuất phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách các cấp.

(Nguyên tắc cụ thể của từng quy định theo Tờ trình của các Sở gửi kèm)

III. Quy định cụ thể một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân Thành phố

1. Quy định nội dung, mức chi thực hiện xây dựng ngân hàng câu trắc nghiệm cho ngành Giáo dục và Đào tạo Hà Nội

1.1. Sự cần thiết và căn cứ pháp lý ban hành Nghị quyết

Ngày 26/4/2012, Liên Bộ: Tài chính - Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư số 66/2012/TTLT-BTC-BGDĐT hướng dẫn về nội dung, mức chi, công tác quản lý tài chính thực hiện xây dựng ngân hàng câu trắc nghiệm, tổ chức các kỳ thi phổ thông, chuẩn bị tham dự các kỳ thi Olympic quốc tế và khu vực (sau đây gọi tắt là Thông tư số 66/2012/TTLT-BTC-BGDĐT). Tuy nhiên, mức chi quy định tại Thông tư này là mức chi tối đa, các địa phương căn cứ vào mức chi quy định tại Thông tư số 66/2012/TTLT-BTC-BGDĐT để ban hành mức chi cụ thể cho phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách tại địa phương mình nhưng không vượt quá mức chi quy định tại Thông tư này; hiện nay, thành phố Hà Nội cũng chưa có quy định cụ thể về nội dung, mức chi thực hiện xây dựng ngân hàng câu trắc nghiệm.

Căn cứ điểm h khoản 9 Điều 30 Luật Ngân sách Nhà nước và khoản 3 Điều 21 Nghị định số 163/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước, HĐND cấp tỉnh có quyền hạn: *Quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương.*

Do vậy, việc UBND Thành phố trình HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết “Quy định nội dung chi, mức chi thực hiện xây dựng ngân hàng câu trắc nghiệm cho ngành Giáo dục và Đào tạo Hà Nội” là cần thiết và đúng thẩm quyền.

1.2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a. Phạm vi điều chỉnh

Quy định nội dung, mức chi thực hiện xây dựng ngân hàng câu trắc nghiệm cho ngành Giáo dục và Đào tạo Hà Nội.

b. Đối tượng áp dụng

Cán bộ, giáo viên và các cá nhân có liên quan tham gia xây dựng ngân hàng câu trắc nghiệm.

1.3. Đề xuất cụ thể

Do việc biên soạn, xây dựng hệ thống ngân hàng câu trắc nghiệm có tính chất phức tạp, các câu hỏi trắc nghiệm khi xây dựng phải đảm bảo cho nhiều mục đích khác nhau như: vừa phục vụ cho việc tự học tập, ôn luyện và tự đánh giá của học sinh ở nhiều cấp độ khác nhau; vừa phục vụ việc kiểm tra, khảo sát, đánh giá chất lượng học sinh để từ đó giúp giáo viên điều chỉnh nội dung, phương pháp dạy học phù hợp, hiệu quả. Ngoài ra, việc biên soạn, xây dựng hệ thống câu trắc nghiệm phải đảm bảo nguyên tắc, kỹ thuật, đúng trình tự, quy trình theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Với tính chất phức tạp của việc xây dựng ngân hàng câu trắc nghiệm nêu trên; UBND Thành phố đề xuất mức chi thực hiện xây dựng ngân hàng câu trắc nghiệm cho ngành Giáo dục và Đào tạo Hà Nội áp dụng bằng mức chi tối đa quy

định tại Thông tư số 66/2012/TTLT-BTC-BGDDT và các mức chi theo các quy định hiện hành của Trung ương và Thành phố.

(Chi tiết tại Phụ lục 01 kèm theo).

1.4. Nguồn kinh phí thực hiện

a. Nguồn kinh phí thực hiện

Nhiệm vụ xây dựng ngân hàng câu trắc nghiệm thuộc cấp nào do ngân sách cấp đó đảm bảo.

b. Dự kiến kinh phí thực hiện

Năm 2020, dự kiến kinh phí thực hiện xây dựng ngân hàng câu trắc nghiệm khoảng 4.000 triệu đồng. Các năm tiếp theo, căn cứ vào tình hình thực tế sẽ có phương án tính toán kinh phí cụ thể.

1.5. Thời gian thực hiện: từ ngày 01 tháng 08 năm 2020.

(Chi tiết tại Tờ trình số 1637/TTrLS:GDĐT-TC ngày 28/5/2020 của liên Sở: Giáo dục và Đào tạo - Tài chính)

2. Quy định mức chi cho công tác hỗ trợ nạn nhân, mức chi chế độ hỗ trợ nạn nhân của hoạt động mua bán người trên địa bàn Thành phố

2.1. Sự cần thiết và căn cứ pháp lý ban hành Nghị quyết

Hiện nay, thành phố Hà Nội có 03 đơn vị tiếp nhận, hỗ trợ nạn nhân bị mua bán trở về thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội quản lý⁽¹⁾, không có cơ sở hỗ trợ nạn nhân ngoài công lập. Các chính sách hỗ trợ nạn nhân hiện đang thực hiện theo Thông tư liên tịch số 134/2013/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 25/9/2013 của Bộ Tài chính - Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn nội dung, mức chi cho công tác hỗ trợ nạn nhân quy định tại Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11/01/2013 của Chính phủ (sau đây gọi tắt là Thông tư liên tịch số 134/2013/TTLT-BTC-BLĐTBXH).

Ngày 27/11/2019, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 84/2019/TT-BTC quy định nội dung, mức chi cho công tác hỗ trợ nạn nhân và nội dung, mức chi chế độ hỗ trợ nạn nhân quy định tại Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11/01/2013 của Chính phủ có hiệu lực từ ngày 15/01/2020 (sau đây gọi tắt là Thông tư số 84/2019/TT-BTC), thay thế Thông tư liên tịch số 134/2013/TTLT-BTC-BLĐTBXH; trong đó tại khoản 3 Điều 7 quy định “*Căn cứ các mức chi quy định tại Thông tư này, tùy điều kiện cụ thể và khả năng ngân sách, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định mức hỗ trợ cụ thể cho phù hợp*”.

Do đó, UBND Thành phố trình HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết “Quy định về mức chi cho công tác hỗ trợ nạn nhân, mức chi chế độ hỗ trợ nạn nhân của hoạt động mua bán người trên địa bàn thành phố Hà Nội” là cần thiết và đúng thẩm quyền.

2.2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

¹ Trung tâm Cung cấp dịch vụ công tác xã hội; Trung tâm Bảo trợ xã hội I Hà Nội; Trung tâm Bảo trợ xã hội III Hà Nội

a. Phạm vi điều chỉnh

Quy định về mức chi cho công tác hỗ trợ nạn nhân, mức chi chế độ hỗ trợ nạn nhân của hoạt động mua bán người trên địa bàn thành phố Hà Nội quy định tại Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11/01/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống mua bán người.

b. Đối tượng áp dụng

- Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân trên địa bàn thành phố Hà Nội sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ nạn nhân của hoạt động mua bán người.

- Nạn nhân của hoạt động mua bán người.

2.3. Đề xuất cụ thể mức chi cho công tác hỗ trợ nạn nhân, mức chi chế độ hỗ trợ nạn nhân của hoạt động mua bán người trên địa bàn Thành phố

a/ Mức chi cho công tác hỗ trợ nạn nhân

- Chi hỗ trợ người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước trực tiếp tham gia quản lý, bảo vệ nạn nhân: 200.000 đồng/người/ngày (bằng mức chi tối đa Thông tư quy định).

- Chi hỗ trợ cho cán bộ được giao nhiệm vụ tư vấn tâm lý cho nạn nhân: Mức chi thù lao là 10.000 đồng/người được tư vấn/lần tư vấn nhưng không quá 500.000 đồng/cán bộ/tháng.

b/ Mức chi chế độ hỗ trợ trực tiếp cho nạn nhân

- Chi hỗ trợ nhu cầu thiết yếu và chi phí đi lại

+ Tiền ăn:

Trong thời gian nạn nhân tạm trú tại cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở hỗ trợ nạn nhân được hỗ trợ tiền ăn, thời gian hỗ trợ không quá 03 tháng (ba tháng): mức hỗ trợ bằng mức chuẩn trợ cấp xã hội (hệ số 1) là: 350.000 đồng/người/tháng nhân với hệ số tương ứng: Trẻ em dưới 04 tuổi hệ số 5,0; trẻ em từ 04 tuổi đến dưới 16 tuổi hoặc từ đủ 60 tuổi trở lên hệ số 4,0; người từ 16 tuổi đến 60 tuổi hệ số 3,0; người khuyết tật đặc biệt nặng, hệ số 3,0; người khuyết tật đặc biệt nặng là trẻ em, là người cao tuổi hệ số 4,0.

+ Hỗ trợ quần áo, vật dụng sinh hoạt cá nhân cần thiết: Nạn nhân trong thời gian lưu trú tại cơ sở được cấp vật dụng phục vụ sinh hoạt thường ngày và các chi phí khác 350.000 đồng/người/tháng theo quy định tại Khoản 4 Điều 26 Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

- Tiền ăn cho nạn nhân có nguyện vọng trở về nơi cư trú nhưng không có khả năng chi trả trong những ngày đi đường: 70.000 đồng/người/ngày.

- Chi hỗ trợ y tế: Trường hợp nạn nhân chết trong thời gian lưu trú tại cơ sở, sau 24 (hai mươi bốn) giờ, kể từ khi có kết luận của các cơ quan có thẩm quyền mà thân nhân không đến kịp hoặc không có điều kiện mai táng thì cơ sở có trách nhiệm tổ chức mai táng:

+ Chi phí giám định pháp y: thực hiện theo phiếu thu thực tế của cơ quan giám định pháp y đối với từng trường hợp cụ thể.

+ Chi phí mai táng: mức hỗ trợ 5.400.000 đồng (thực hiện theo mục II Phụ lục II Quyết định số 25/2015/QĐ-UBND ngày 31/8/2015 sửa đổi bổ sung một số điều của Quyết định số 78/2014/QĐ-UBND ngày 31/10/2014 về quy định mức trợ cấp xã hội hàng tháng cho các đối tượng bảo trợ xã hội sống tại cộng đồng và tại các cơ sở bảo trợ xã hội thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội Hà Nội).

- Chi trợ cấp khó khăn ban đầu: Chi hỗ trợ một lần tiền trợ cấp khó khăn ban đầu đối với nạn nhân thuộc hộ nghèo của thành phố Hà Nội khi trở về nơi cư trú mức 1.000.000 đồng/người (hộ nghèo được hỗ trợ là hộ nghèo theo tiêu chí thu nhập theo chuẩn nghèo thành phố Hà Nội).

2.4. Dự kiến nguồn kinh phí thực hiện:

a. Nguồn kinh phí: Kinh phí chi cho công tác hỗ trợ nạn nhân, chế độ hỗ trợ nạn nhân của hoạt động mua bán người trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của các sở, ngành và địa phương theo phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước.

b. Dự kiến kinh phí thực hiện:

Tổng kinh phí dự kiến khi thực hiện theo mức chi mới khoảng 164 triệu đồng/năm (tăng so với mức chi cũ là 24 triệu đồng/năm). Trong đó:

- Ngân sách cấp Thành phố (dự kiến 10 nạn nhân/năm): 144 triệu đồng/năm (tăng so với mức chi cũ là 24 triệu đồng/năm).

- Ngân sách quận, huyện, thị xã: 20 triệu đồng/năm (không tăng kinh phí so với mức chi cũ).

2.5. Thời gian thực hiện: từ ngày 01 tháng 08 năm 2020.

(Chi tiết tại Tờ trình số 2110/TTrLS:LĐTBXH-TC ngày 23/6/2020 của Liên Sở: Lao động Thương binh và Xã hội - Tài chính).

3. Quy định chính sách hỗ trợ sử dụng hình thức hỏa táng của thành phố Hà Nội

3.1. Sự cần thiết và căn cứ pháp lý ban hành Nghị quyết

Tại Quyết định số 496/QĐ-TTg ngày 08/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch nghĩa trang Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 thì tỷ lệ chết thô của thành phố Hà Nội giai đoạn 2011-2020 là khoảng 39.300 người/năm; giai đoạn 2021-2030 là khoảng 34.500 người/năm; giai đoạn 2030-2050 là khoảng 38.300 người/năm.

Tại Quyết định số 2282/QĐ-TTg ngày 26/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Đề án khuyến khích sử dụng hình thức hỏa táng, tại điểm 1 Mục III Điều I về định hướng cơ chế chính sách “*Nghiên cứu, ban hành các cơ chế, chính sách khuyến khích người dân sử dụng hình thức hỏa táng bao gồm: Hỗ trợ toàn bộ hoặc một phần chi phí hỏa táng, chi phí vận chuyển thi hài đi hỏa táng và các chi phí khác (bình đựng tro cốt, lưu giữ tro cốt).* Mức hỗ trợ

tùy theo điều kiện kinh tế - xã hội của từng địa phương và do UBND tỉnh, thành phố quyết định”.

Hiện tại, chính sách hỗ trợ khuyến khích sử dụng hình thức hỏa táng trên địa bàn Thành phố đang thực hiện theo quy định tại Quyết định số 03/2017/QĐ-UBND ngày 10/02/2017 (theo Nghị quyết số 04/2015/NQ-HĐND ngày 01/12/2015 của Hội đồng nhân dân Thành phố về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2016 của thành phố Hà Nội), theo đó đến ngày 31/12/2020 sẽ hết hiệu lực đối với đối tượng là người dân có hộ khẩu thường trú tại thành phố Hà Nội khi thực hiện hỏa táng tại các cơ sở hỏa táng của thành phố Hà Nội. Để tiếp tục thực hiện tang lễ văn minh, đồng thời khuyến khích người dân lựa chọn hình thức hỏa táng trong tổ chức tang lễ, việc tiếp tục ban hành chính sách hỗ trợ sử dụng hình thức hỏa táng là rất cần thiết.

Căn cứ điểm h khoản 9 Điều 30 Luật Ngân sách Nhà nước và khoản 3 Điều 21 Nghị định số 163/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước, HĐND cấp tỉnh có quyền hạn: *Quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương.*

Vì vậy, UBND Thành phố trình HĐND Thành phố xây dựng Nghị quyết về “*Chính sách hỗ trợ sử dụng hình thức hỏa táng của thành phố Hà Nội*”, thay thế Quyết định số 03/2017/QĐ-UBND ngày 10/02/2017 của UBND Thành phố là cần thiết và đúng thẩm quyền.

3.2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a. Phạm vi điều chỉnh

Quy định chính sách hỗ trợ sử dụng hình thức hỏa táng của thành phố Hà Nội.

b. Đối tượng áp dụng

Người có hộ khẩu thường trú tại thành phố Hà Nội; đối tượng được nuôi dưỡng tại các Trung tâm nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công và cơ sở trợ giúp xã hội công lập của thành phố Hà Nội; đối tượng điều trị tại Bệnh viện 09 - Sở Y tế Hà Nội; người lang thang vô gia cư chết trên địa bàn thành phố Hà Nội.

3.3. Đề xuất cụ thể

a/ Mức hỗ trợ chi phí hỏa táng như sau:

- Thi hài người lớn: 3.000.000 đồng/ca.
- Thi hài trẻ em dưới 06 tuổi: 1.500.000 đồng/ca.

Trường hợp UBND Thành phố quyết định điều chỉnh đơn giá hỏa táng, mức hỗ trợ chi phí hỏa táng sẽ được thực hiện theo đơn giá điều chỉnh.

b/ Mức hỗ trợ chi phí vận chuyển: 1.000.000 đồng/ca.

c/ Chi phí khác:

Bsh

Đối với người dân thuộc hộ nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi; các đối tượng người có công đang được nuôi dưỡng thường xuyên tại các Trung tâm nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công; các đối tượng xã hội đang được nuôi dưỡng thường xuyên tại các cơ sở trợ giúp xã hội công lập của thành phố Hà Nội, đối tượng điều trị tại Bệnh viện 09 - Sở Y tế Hà Nội; người lang thang vô gia cư chết trên địa bàn thành phố Hà Nội:

- Hỗ trợ áo quan hỏa táng, túi đồ khâm liệm, bình đựng tro cốt: Mức hỗ trợ theo mức giá thấp nhất của Ban phục vụ lễ tang Hà Nội tại thời điểm hỗ trợ.

- Hỗ trợ chi phí quản lý lưu giữ bình tro: Mức hỗ trợ theo mức giá thấp nhất được UBND Thành phố phê duyệt. Trường hợp UBND Thành phố quyết định điều chỉnh đơn giá, mức hỗ trợ chi phí sẽ được thực hiện theo đơn giá điều chỉnh.

3.4. Nguồn kinh phí thực hiện

a. Nguồn kinh phí: Ngân sách cấp Thành phố đảm bảo và được bố trí trong dự toán giao Sở Lao động Thương binh và Xã hội hàng năm.

b. Dự kiến kinh phí thực hiện: Tổng kinh phí dự kiến năm 2021 khi thực hiện theo mức hỗ trợ mới khoảng 99.493 triệu đồng/năm (kinh phí năm 2020 khoảng: 94.251 triệu đồng); Kinh phí dự kiến tăng thêm (01 năm) là: 5.242 triệu đồng.

3.5. Thời gian thực hiện: từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

(Chi tiết tại Tờ trình số 2135/TTrLS:LĐTBXH-TC ngày 24/6/2020 của liên Sở: Lao động Thương binh và Xã hội - Tài chính)

4. Quy định về mức chi tiền thưởng đối với các danh hiệu, hình thức khen thưởng, giải thưởng của các cuộc thi, hội thi, hội giảng, kỳ thi tay nghề trên địa bàn Thành phố và nội dung, mức chi đối với hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, Hội đồng xét tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng, giải thưởng các cấp

4.1. Sự cần thiết và căn cứ pháp lý ban hành Nghị quyết

Thực tế trong các năm qua, để triển khai thực hiện các nhiệm vụ được Thành phố giao trong lĩnh vực thi đua - khen thưởng, các cơ quan, đơn vị phát sinh một số nội dung, mức chi đặc thù ngoài quy định của Trung ương và Thành phố. Qua rà soát các quy định về thi đua - khen thưởng hiện hành của Thành phố và của các đơn vị thuộc Thành phố, các nhóm nội dung chi và mức chi như sau: (1) Mức chi tiền thưởng đối với các danh hiệu, hình thức khen thưởng trên địa bàn Thành phố; (2) Mức chi giải thưởng của các cuộc thi, hội thi, hội giảng, kỳ thi tay nghề trên địa bàn Thành phố; (3) Nội dung chi, mức chi đối với hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, Hội đồng xét tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng các cấp.

Căn cứ điểm h khoản 9 Điều 30 Luật Ngân sách Nhà nước và khoản 3 Điều 21 Nghị định số 163/2016/TT-BTC ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước, HĐND cấp tỉnh có quyền hạn: *Quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm*

AB

vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương.

Nhằm có cơ sở để các đơn vị hoàn thành nhiệm vụ Thành phố giao, đảm bảo thống nhất quản lý nhà nước trong lĩnh vực thi đua - khen thưởng, kịp thời động viên cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và các tầng lớp nhân dân tham gia các phong trào thi đua yêu nước, UBND Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết “Quy định về mức chi tiền thưởng đối với các danh hiệu, hình thức khen thưởng, giải thưởng của các cuộc thi, hội thi, hội giảng, kỳ thi tay nghề trên địa bàn Thành phố và nội dung chi, mức chi đối với hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, Hội đồng xét tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng các cấp” là cần thiết và đúng thẩm quyền.

4.2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a. Phạm vi điều chỉnh

Quy định về mức chi tiền thưởng đối với các danh hiệu, hình thức khen thưởng, giải thưởng của các cuộc thi, hội thi, hội giảng, kỳ thi tay nghề trên địa bàn Thành phố và nội dung chi, mức chi đối với hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, Hội đồng xét tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng, giải thưởng các cấp.

b. Đối tượng áp dụng

Các sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội và các đoàn thể Thành phố; UBND các quận, huyện, thị xã; UBND xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

4.3. Đề xuất cụ thể

a. Quy định mức chi tiền thưởng đối với các danh hiệu, hình thức khen thưởng trên địa bàn Thành phố (*Chi tiết tại Biểu 01 Phụ lục số 02 kèm theo*).

b. Quy định về mức chi giải thưởng của các cuộc thi, hội thi, hội giảng, kỳ thi tay nghề trên địa bàn Thành phố (*Chi tiết tại Biểu 02 Phụ lục số 02 kèm theo*).

c. Quy định nội dung, mức chi đối với hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng; Hội đồng xét tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng, giải thưởng các cấp (*Chi tiết tại Biểu số 03 Phụ lục số 02 kèm theo*).

4.4. Nguồn kinh phí thực hiện

a. Nguồn kinh phí đảm bảo thực hiện:

- Ngân sách nhà nước theo phân cấp.
- Nguồn vốn huy động xã hội hóa.
- Các nguồn vốn hợp pháp khác.

b. Kinh phí dự kiến thực hiện khoảng 5.000 triệu đồng/năm

4.5. Thời gian thực hiện: từ ngày 01 tháng 8 năm 2020.

(*Chi tiết tại Tờ trình số 1761 /TTr-SNV ngày 26/6/2020 và Tờ trình số 1776/TTr-SNV ngày 29/6/2020 của Sở Nội vụ*)

Ali

5. Quy định một số nội dung, mức chi đối với hoạt động khuyến nông trên địa bàn thành phố Hà Nội

5.1. Sự cần thiết và căn cứ pháp lý ban hành Nghị quyết

Trên cơ sở Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 08/01/2010 của Chính phủ về công tác Khuyến nông và Thông tư liên tịch số 183/TTLT-BTC-BNN ngày 15/11/2010 của Liên Bộ: Tài chính – Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn chế độ quản lý sử dụng kinh phí ngân sách đối với hoạt động Khuyến nông, UBND Thành phố đã ban hành Quyết định số 2002/QĐ-UBND ngày 05/3/2013 về việc ban hành quy định một số nội dung chi và mức hỗ trợ đối với hoạt động Khuyến nông trên địa bàn thành phố Hà Nội. Thông qua hoạt động khuyến nông đã xây dựng và thực hiện được nhiều mô hình trình diễn áp dụng giống mới, tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất đạt hiệu quả cao và bước đầu gắn với liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị mang lại hiệu quả tích cực.

Ngày 24/5/2018, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 83/2018/NĐ-CP thay thế Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 08/01/2010 về công tác Khuyến nông; ngày 04/11/2019, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 75/2019/TT-BTC quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông thay thế Thông tư liên tịch số 183/TTLT-BTC-BNN ngày 15/11/2010 về hướng dẫn chế độ quản lý sử dụng kinh phí ngân sách đối với hoạt động Khuyến nông.

Căn cứ Điều 10 Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019 của Bộ Tài chính quy định: *Căn cứ quy định tại Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ và nội dung chi, mức chi quy định tại Mục 1 Chương II của Thông tư này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông địa phương phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của địa phương và đạt được mục tiêu của khuyến nông ở địa phương.*

Vì vậy, UBND Thành phố trình HĐND Thành phố ban hành Nghị quyết quy định một số nội dung, mức chi đối với hoạt động khuyến nông trên địa bàn thành phố Hà Nội đảm bảo đúng quy định tại Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ và Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019 của Bộ Tài chính là cần thiết và đúng thẩm quyền.

5.2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a. Phạm vi điều chỉnh:

Quy định một số nội dung, mức chi từ nguồn vốn sự nghiệp của ngân sách Nhà nước cho các hoạt động khuyến nông và chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội.

b. Đối tượng áp dụng

- Tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động khuyến nông và đối tượng chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông.

- Cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động khuyến nông.

5.3. Đề xuất cụ thể

Các nội dung chi và mức chi được xây dựng trên cơ sở quy định tại Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông, Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông và các văn bản quy định của Trung ương và Thành phố.

(Chi tiết tại Phụ lục 03 kèm theo)

5.4. Nguồn kinh phí thực hiện

a. Nguồn kinh phí thực hiện: Ngân sách nhà nước theo phân cấp.

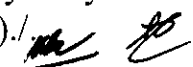
b. Dự kiến kinh phí thực hiện:

Dự kiến kinh phí thực hiện Chương trình Khuyến nông thành phố Hà Nội giai đoạn 2020-2025 là 873.342 triệu đồng (trong đó, ngân sách cấp Thành phố là 713.138 triệu đồng, ngân sách cấp quận, huyện là 160.204 triệu đồng).

5.5. Thời gian thực hiện: từ ngày 01 tháng 8 năm 2020.

(Chi tiết tại Tờ trình số 242/TTr-SNN ngày 29/6/2020 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Ủy ban nhân dân Thành phố kính trình Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, quyết nghị.

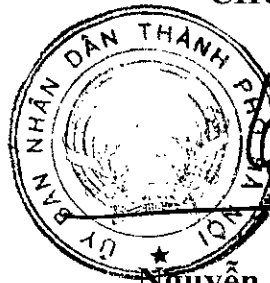
(Tờ trình này thay thế Tờ trình số 112/TTr-UBND ngày 26/6/2020 của UBND Thành phố)./ 

Nơi nhận: 

- Như trên;
- Đồng chí Bí thư Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Đồng chí Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các đồng chí PCT UBND Thành phố;
- Các Ban HĐND Thành phố;
- Đại biểu HĐND Thành phố;
- Các Sở: TC, LĐT&XH, GD&ĐT, NV, NN&PTNT, TP;
- VPUB: CVP, PCVP Đ.H.Giang, V.T.Anh;
- KGVX, KT, TKBT, TH, NC;
- Lưu: VT, KT. 

23818 - 145

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH 



Nguyễn Đức Chung

Phụ lục 01
Quy định nội dung, mức chi thực hiện xây dựng
ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm của ngành Giáo dục và Đào tạo Hà Nội
*(Kèm theo Tờ trình số **443** /TTr-UBND ngày **30** tháng 6 năm 2020*
của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)	Ghi chú
1	Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ soạn thảo câu trắc nghiệm	Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 11/2018/NQ-HĐND ngày 05/12/2018 của HĐND thành phố Hà Nội quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân Thành phố.		
2	Soạn thảo câu trắc nghiệm đưa vào biên tập	Câu	92.000	
3	Thẩm định và biên tập câu trắc nghiệm	Câu	80.000	
4	Tổ chức thi thử			
	- Chi xây dựng ma trận đề thi trắc nghiệm	Người/ngày	230.000	
	- Chi xây dựng đề thi gốc	Đề	920.000	Bao gồm phần biện và đáp án
	- Chi xây dựng các mã đề thi	Đề	230.000	
	- Chi phụ cấp cho Ban tổ chức cuộc thi:			
	+ Trưởng ban	Người/ngày	280.000	
	+ Phó trưởng ban	Người/ngày	230.000	
	+ Thư ký, giám thị	Người/ngày	160.000	
	- Chi phí đi lại, ở của Ban tổ chức	Thực hiện theo quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị của thành phố Hà Nội tại Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 05/12/2017 của HĐND thành phố Hà Nội về việc quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của HĐND Thành phố.		
	- Chi phụ cấp cho Hội đồng coi thi:			
	+ Chủ tịch	Người/ngày	200.000	
	+ Phó Chủ tịch	Người/ngày	150.000	
	+ Thư ký, giám thị	Người/ngày	100.000	
	+ Nhân viên bảo vệ, y tế và phục vụ	Người/ngày	50.000	
5	Thuê chuyên gia định cỡ câu trắc nghiệm	Người/ngày	350.000	Theo phương thức hợp đồng
6	Đánh máy và nhập vào ngân hàng câu trắc nghiệm	Người/ngày	230.000	

Ghi chú: Trường hợp các văn bản trích dẫn tại quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng các văn bản khác của cấp có thẩm quyền thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế./.

BB

Phụ lục 02 - Biểu 01
Quy định mức chi tiền thưởng đối với
các danh hiệu, hình thức khen thưởng trên địa bàn Thành phố
(Kèm theo Tờ trình số 113 /TTr-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2020
của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi
1	Khen thưởng danh hiệu “Công dân Thủ đô ưu tú”	Cá nhân	12,5 lần mức lương cơ sở
2	Khen thưởng danh hiệu “Vi sự nghiệp xây dựng Thủ đô”	Cá nhân	01 lần mức lương cơ sở
3	Khen thưởng Bằng "Sáng kiến Thủ đô"	Cá nhân	03 lần mức lương cơ sở
4	Khen thưởng danh hiệu “Người tốt, việc tốt”	Cá nhân	- Cấp Thành phố: 01 lần mức lương cơ sở; - Cấp sở, ban, ngành, quận, huyện, thị xã: 0,3 lần mức lương cơ sở. - Cấp phường, xã, thị trấn: 0,15 lần mức lương cơ sở.
5	Khen thưởng “Cúp Thăng Long”	Tập thể	02 lần mức lương cơ sở
6	Khen thưởng “Nghệ nhân Hà Nội”	Cá nhân	4,5 lần mức lương cơ sở
7	Khen thưởng Thủ khoa xuất sắc	Cá nhân	4,5 lần mức lương cơ sở
8	Khen thưởng thành tích đột xuất:		
-	Bằng khen của Chủ tịch UBND Thành phố về thành tích đột xuất	Tập thể	- 02 lần mức lương cơ sở; - Trường hợp tập thể lập thành tích xuất sắc đột xuất (là thành tích đột xuất đạt được ở mức độ xuất sắc khi dừng cầm cứu người, cứu tài sản của nhân dân, của Nhà nước hoặc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc lập được thành tích đặc biệt xuất sắc trong các lĩnh vực được Thành phố ghi nhận): Thường tiền cho tập thể bằng 06 lần mức lương cơ sở; - Trường hợp tập thể lập thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất (là thành tích đột xuất đạt được ở mức độ đặc biệt xuất sắc khi dừng cầm cứu người, cứu tài sản của nhân dân, của Nhà nước hoặc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc lập được thành tích đặc biệt xuất sắc trong

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi
			<i>các lĩnh vực được khu vực hoặc thể giới ghi nhận):</i> Thưởng tiền cho tập thể là 50.000.000 đồng.
		Cá nhân	- 01 lần mức lương cơ sở; - Trường hợp cá nhân lập thành tích xuất sắc đột xuất (<i>là thành tích đột xuất đạt được ở mức độ xuất sắc khi dũng cảm cứu người, cứu tài sản của nhân dân, của Nhà nước hoặc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc lập được thành tích đặc biệt xuất sắc trong các lĩnh vực được Thành phố ghi nhận</i>): Thưởng tiền cho cá nhân bằng 03 lần mức lương cơ sở; - Trường hợp cá nhân lập thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất (<i>là thành tích đột xuất đạt được ở mức độ đặc biệt xuất sắc khi dũng cảm cứu người, cứu tài sản của nhân dân, của Nhà nước hoặc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc lập được thành tích đặc biệt xuất sắc trong các lĩnh vực được khu vực hoặc thể giới ghi nhận</i>): Thưởng tiền cho cá nhân là 20.000.000 đồng.
	Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Mặt trận tổ quốc, đoàn thể và các đơn vị thuộc thành phố về thành tích đột xuất	Tập thể	- 0,6 lần mức lương cơ sở; - Trường hợp tập thể lập thành tích xuất sắc đột xuất (<i>là thành tích đột xuất đạt được ở mức độ xuất sắc khi dũng cảm cứu người, cứu tài sản của nhân dân, của Nhà nước hoặc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc lập được thành tích đặc biệt xuất sắc trong các lĩnh vực được cấp Sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể và Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, các đơn vị thuộc Thành phố ghi nhận</i>): Thưởng tiền cho tập thể bằng 02 lần mức lương cơ sở; - Trường hợp tập thể lập thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất (<i>là thành tích đột xuất đạt được ở mức độ đặc biệt xuất sắc khi dũng cảm cứu người, cứu tài sản của nhân dân, của Nhà nước hoặc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc lập được thành tích đặc biệt xuất sắc trong các lĩnh vực được cấp Sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể và Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, các đơn vị thuộc Thành phố ghi nhận</i>): Thưởng tiền cho tập thể bằng 50% mức tiền thưởng tập thể lập thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất cấp Thành phố.
		Cá nhân	- 0,3 lần mức lương cơ sở; - Trường hợp cá nhân lập thành tích xuất sắc đột xuất (<i>là thành tích đột xuất đạt được ở mức độ xuất sắc khi dũng cảm cứu người, cứu tài sản của nhân dân, của Nhà nước hoặc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc lập được thành tích đặc biệt xuất sắc trong các lĩnh vực được cấp Sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể và Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, các đơn vị thuộc Thành phố ghi nhận</i>):

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi
			Thưởng tiền cho cá nhân bằng 01 lần mức lương cơ sở; - Trường hợp cá nhân lập thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất (là thành tích đột xuất đạt được ở mức độ đặc biệt xuất sắc khi dũng cảm cứu người, cứu tài sản của nhân dân, của Nhà nước hoặc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc lập được thành tích đặc biệt xuất sắc trong các lĩnh vực được cấp Sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể và Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, các đơn vị thuộc Thành phố ghi nhận): Thưởng tiền cho cá nhân bằng 50% mức tiền thưởng cá nhân lập thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất cấp Thành phố.
	Giấy khen của Chủ tịch UBND phường, xã, thị trấn về thành tích đột xuất	Tập thể	- 0,3 lần mức lương cơ sở; - Trường hợp tập thể lập thành tích xuất sắc đột xuất (là thành tích đột xuất đạt được ở mức độ xuất sắc khi dũng cảm cứu người, cứu tài sản của nhân dân, của Nhà nước hoặc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc lập được thành tích đặc biệt xuất sắc trong các lĩnh vực được cấp phường, xã, thị trấn ghi nhận); Trường hợp tập thể lập thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất (là thành tích đột xuất đạt được ở mức độ đặc biệt xuất sắc khi dũng cảm cứu người, cứu tài sản của nhân dân, của Nhà nước hoặc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc lập được thành tích đặc biệt xuất sắc trong các lĩnh vực được cấp phường, xã, thị trấn ghi nhận): Thưởng tiền cho tập thể bằng 50% mức tiền thưởng tập thể lập thành tích xuất sắc đột xuất và đặc biệt xuất sắc đột xuất cấp Sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể và Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, các đơn vị thuộc Thành phố.
		Cá nhân	- 0,15 lần mức lương cơ sở; - Trường hợp cá nhân lập thành tích xuất sắc đột xuất (là thành tích đột xuất đạt được ở mức độ xuất sắc khi dũng cảm cứu người, cứu tài sản của nhân dân, của Nhà nước hoặc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc lập được thành tích đặc biệt xuất sắc trong các lĩnh vực được cấp phường, xã, thị trấn ghi nhận); Trường hợp cá nhân lập thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất (là thành tích đột xuất đạt được ở mức độ đặc biệt xuất sắc khi dũng cảm cứu người, cứu tài sản của nhân dân, của Nhà nước hoặc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc lập được thành tích đặc biệt xuất sắc trong các lĩnh vực được cấp phường, xã, thị trấn ghi nhận): Thưởng tiền cho cá nhân bằng 50% mức tiền thưởng cá nhân lập thành tích xuất sắc đột xuất và đặc biệt xuất sắc đột xuất cấp Sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể và Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, các đơn vị thuộc Thành phố.

Phụ lục 02 - Biểu 02**Quy định mức chi giải thưởng của các cuộc thi, hội thi, hội giảng, kỳ thi tay nghề trên địa bàn Thành phố**

(Kèm theo Tờ trình số **143** /TTr-UBND ngày **30** tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

1. Mức chi giải thưởng của các cuộc thi, hội thi, hội giảng, kỳ thi tay nghề trên địa bàn Thành phố; giải thưởng cho các cuộc thi Giảng viên lý luận chính trị giỏi, báo cáo viên giỏi và các cuộc thi tìm hiểu, tuyên truyền do Trung ương và Thành phố phát động; Giải thưởng trong "Tổng kết và phát động phong trào sáng tác mang tính giai đoạn của Thủ đô" sử dụng ngân sách Nhà nước:

TT	Cấp tổ chức	Mức giải	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)	Ghi chú
1	Cấp Thành phố tổ chức	Giải đặc biệt	Tập thể	20.000.000	Tùy theo quy mô và địa bàn tổ chức cuộc thi, UBND Thành phố hoặc các đơn vị được UBND Thành phố giao tổ chức thực hiện quyết định mức chi giải thưởng cụ thể nhưng không vượt quá mức chi tối đa quy định tại Mục này; đối với các cuộc thi không có giải tập thể, quyết định mức giải thưởng cho cá nhân bằng với giải của tập thể
			Cá nhân	12.000.000	
		Giải Nhất	Tập thể	10.000.000	
			Cá nhân	6.000.000	
		Giải Nhì	Tập thể	7.000.000	
			Cá nhân	3.000.000	
		Giải Ba	Tập thể	5.000.000	
			Cá nhân	2.000.000	
		Giải khuyến khích	Tập thể	3.000.000	
			Cá nhân	1.000.000	
		Giải phụ khác		500.000	
2	Cấp sở, ban, ngành, quận, huyện, thị xã tổ chức	Giải đặc biệt	Tập thể	10.000.000	Tùy theo quy mô và địa bàn tổ chức cuộc thi, sở, ban, ngành, quận, huyện, thị xã quyết định mức chi giải thưởng cụ thể nhưng không vượt quá mức chi tối đa quy định tại Mục này; đối với các cuộc thi không có giải tập thể, quyết định mức giải thưởng cho cá nhân bằng với giải của tập thể
			Cá nhân	6.000.000	
		Giải Nhất	Tập thể	5.000.000	
			Cá nhân	3.000.000	
		Giải Nhì	Tập thể	3.500.000	
			Cá nhân	1.500.000	
		Giải Ba	Tập thể	2.500.000	
			Cá nhân	1.000.000	
		Giải khuyến khích	Tập thể	1.500.000	
			Cá nhân	500.000	

TT	Cấp tổ chức	Mức giải	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)	Ghi chú
		Giải phụ khác		250.000	
3	Cấp xã, phường, thị trấn tổ chức	Giải đặc biệt	Tập thể	5.000.000	Tùy theo quy mô và địa bàn tổ chức cuộc thi, các phường, xã, thị trấn quyết định mức chi giải thưởng cụ thể nhưng không vượt quá mức chi tối đa quy định tại Mục này; đối với các cuộc thi không có giải tập thể, quyết định mức giải thưởng cho cá nhân bằng với giải của tập thể.
			Cá nhân	3.000.000	
		Giải Nhất	Tập thể	2.500.000	
			Cá nhân	1.500.000	
		Giải Nhì	Tập thể	1.800.000	
			Cá nhân	800.000	
		Giải Ba	Tập thể	1.300.000	
			Cá nhân	500.000	
		Giải khuyến khích	Tập thể	800.000	
			Cá nhân	250.000	
		Giải phụ khác		150.000	

2. Một số nội dung chi và mức chi đặc thù “Giải báo chí về xây dựng Đảng và hệ thống chính trị của thành phố Hà Nội”, “Giải báo chí về phát triển văn hóa và xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh”:

Stt	Nội dung chi	Hình thức giải thưởng	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)
1	Chi giải thưởng Giải báo chí về xây dựng Đảng và hệ thống chính trị của thành phố Hà Nội và Giải báo chí về phát triển văn hóa và xây dựng người Hà Nội thanh lịch, văn minh hằng năm	- Giải Đặc biệt	Cá nhân	100.000.000/giải
		- Giải A	Cá nhân	50.000.000/giải
		- Giải B	Cá nhân	30.000.000/giải
		- Giải C	Cá nhân	20.000.000/giải
		- Giải cho tác phẩm xuất sắc của tác giả cao tuổi, giải cho tác phẩm xuất sắc của tác giả trẻ tuổi	Cá nhân	20.000.000/giải
		- Giải Khuyến khích	Cá nhân	10.000.000/giải
		- Giải đồng hạng xuất sắc cho cơ quan báo chí tiêu biểu	Tập thể	15.000.000/giải
		- Tiền thưởng các tác phẩm vào chung khảo	Cá nhân	2.000.000/giải

Phụ lục 02 - Biểu số 03
Quy định nội dung, mức chi đối với hoạt động
của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, Hội đồng xét tặng
các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng, giải thưởng các cấp
*(Kèm theo Tờ trình số **113** /TTr-UBND ngày **30** tháng 6 năm 2020*
của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)
I	Hội đồng Thi đua - Khen thưởng; Hội đồng xét tặng cấp Thành phố đối với các danh hiệu, hình thức khen thưởng, các giải thưởng		
1	Chi Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, Hội đồng xét tặng cấp Thành phố họp xét khen thưởng các danh hiệu, hình thức khen thưởng, giải thưởng đối với các tập thể, cá nhân		
	- Chủ tịch Hội đồng	Người/ buổi	1.500.000
	- Phó Chủ tịch và các Thành viên Hội đồng	Người/ buổi	1.000.000
	- Đại biểu mời tham dự	Người/ buổi	200.000
	- Bộ phận giúp việc Hội đồng	Người/ buổi	100.000
	- Bộ phận phục vụ	Người/ buổi	50.000
2	Chi thù lao đối với xin ý kiến bằng phiếu đối với Thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, Hội đồng xét tặng cấp Thành phố	Người/ phiếu	500.000
II	Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, Hội đồng xét tặng cấp sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội, các đoàn thể Thành phố, quận, huyện, thị xã, các đơn vị thuộc Thành phố đối với các danh hiệu, hình thức khen thưởng, các giải thưởng		
1	Chi Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, Hội đồng xét tặng cấp sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội, các đoàn thể Thành phố, quận, huyện, thị xã, đơn vị thuộc Thành phố họp xét các danh hiệu, hình thức khen thưởng, các giải thưởng của các tập thể, cá nhân		
	- Chủ tịch Hội đồng	Người/ buổi	500.000
	- Phó Chủ tịch và các Thành viên Hội đồng	Người/ buổi	300.000

Stt	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi (đồng)
	- Đại biểu mời tham dự	Người/ buổi	100.000
	- Bộ phận giúp việc Hội đồng	Người/ buổi	100.000
	- Bộ phận phục vụ	Người/ buổi	50.000
2	Chi thù lao đối với xin ý kiến bằng phiếu đối với Thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng sở, ban, ngành, MTTQ, các đoàn thể, quận, huyện, thị xã, đơn vị thuộc Thành phố.	Người/ phiếu	200.000
III	Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, Hội đồng xét tặng cấp phường, xã, thị trấn đối với các danh hiệu, hình thức khen thưởng, các giải thưởng		
1	Chi Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, Hội đồng xét tặng cấp phường, xã, thị trấn họp xét danh hiệu, khen thưởng, giải thưởng của các tập thể, cá nhân		
	- Chủ tịch Hội đồng	Người/ buổi	250.000
	- Phó Chủ tịch và các Thành viên Hội đồng	Người/ buổi	150.000
	- Đại biểu mời tham dự	Người/ buổi	50.000
	- Bộ phận giúp việc Hội đồng	Người/ buổi	50.000
	- Bộ phận phục vụ	Người/ buổi	50.000
2	Chi thù lao đối với xin ý kiến bằng phiếu đối với Thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng phường, xã, thị trấn	Người/ phiếu	100.000

Ghi chú: Mức chi đối với Hội đồng xét tặng giải thưởng các cấp trên được áp dụng đối với cả Hội đồng sơ khảo và chung khảo.

PHỤ LỤC 03
Quy định một số nội dung, mức chi đối với hoạt động khuyến nông
trên địa bàn thành phố Hà Nội
*(Kèm theo Tờ trình số **113** /TTr-UBND ngày **30** tháng 6 năm 2020*
của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

STT	Nội dung	Mức chi
1	Bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo	
1.1.	Nội dung hoạt động và phương thức tổ chức bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo: Thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ.	
1.2.	Các tổ chức, cá nhân tham gia bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo thực hiện theo định mức, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành. Quy định này hướng dẫn cụ thể một số nội dung chi, mức chi sau:	
a	Chi biên soạn chương trình, giáo trình, tài liệu bồi dưỡng, đào tạo, tập huấn	Theo quy định tại Thông tư số 76/2018/TT-BTC ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính về hướng dẫn nội dung, mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp.
b	Chi thù lao giảng viên, trợ giảng; phụ cấp tiền ăn giảng viên, trợ giảng; chi phí đưa, đón, bố trí nơi ở cho giảng viên, trợ giảng; chi thù lao hướng dẫn viên tham quan, thực hành thao tác kỹ thuật	Thực hiện theo mức chi cho công tác đào tạo bồi dưỡng các bộ công chức, viên chức và các đối tượng khác quy định tại Phụ lục 02 Nghị quyết số 11/2018/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội
c	Chi in ấn tài liệu, giáo trình trực tiếp phục vụ lớp học (không bao gồm tài liệu tham khảo); giải khát giữa giờ; tổ chức cho học viên đi khảo sát, thực tế; thuê hội trường, phòng học, thiết bị phục vụ học tập (nếu có); vật tư thực hành lớp học; thuê phiên dịch và biên dịch; chi tổ chức khai giảng, bế giảng, in chứng chỉ, chi tiền thuốc y tế thông thường cho học viên ; chi khác phục vụ trực tiếp lớp học (điện, nước, thông tin liên lạc, văn phòng phẩm, vệ sinh, trông giữ xe và các khoản chi trực tiếp khác)	Thực hiện theo Điểm c Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính Quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông.

AL

STT	Nội dung	Mức chi
d	Chi hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại, nơi ở, tài liệu trong thời gian tham dự đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, khảo sát học tập khuyến nông:	
-	Đối tượng chuyển giao công nghệ hưởng lương từ ngân sách nhà nước	+ Hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo). + Đối với chỗ ở cho người học, đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ, gồm chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có). Trường hợp thuê chỗ ở cho học viên được thanh toán theo chế độ công tác phí quy định tại Phụ lục số 03 Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố.
-	Đối tượng chuyển giao công nghệ không hưởng lương từ ngân sách nhà	+ Hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo). + Hỗ trợ 100% chi phí tiền ăn, chỗ ở (nếu phải thuê chỗ ở) theo mức chi về chế độ chi hội nghị quy định tại Phụ lục số 03 Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố. Nếu đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ: Chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có) + Hỗ trợ tiền đi lại là 200.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15km trở lên. Riêng đối với người khuyết tật và người học cư trú ở xã, thôn, bản thuộc vùng khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, mức hỗ trợ 300.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 5 km trở lên.
-	Người nông dân sản xuất nhỏ, nông dân thuộc diện hộ nghèo.	+ Hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo). + Hỗ trợ 100% chi phí tiền ăn; chỗ ở (nếu phải thuê chỗ ở) theo mức chi về chế độ chi hội nghị quy định tại Phụ lục số 03 Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố. Nếu đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ: Chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có) + Hỗ trợ tiền đi lại là 200.000 đồng/người/khóa

STT	Nội dung	Mức chi
		học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15km trở lên. Riêng đối với người khuyết tật và người học cư trú ở xã, thôn, bản thuộc vùng khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, mức hỗ trợ 300.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 5 km trở lên.
-	Người nông dân sản xuất hàng hóa, chủ trang trại, tổ viên tổ hợp tác, thành viên hợp tác xã và các cá nhân khác hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp	+ Hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo). + Hỗ trợ 50% chi phí tiền ăn, chỗ ở (nếu phải thuê chỗ ở) theo mức chi về chế độ chi hội nghị quy định tại Phụ lục số 03 Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố. Nếu đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ: Chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có) + Hỗ trợ tiền đi lại là 100.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15km trở lên (Thông tư số 75/2019/TT-BTC).
-	Doanh nghiệp vừa và nhỏ trực tiếp hoạt động trong các lĩnh vực khuyến nông	Hỗ trợ 50% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo) khi tham dự đào tạo (Tiết d Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 75/2019/TT-BTC).
d	Chi khảo sát học tập trong và ngoài nước	
-	Đối với khảo sát học tập trong nước	Mức chi theo thực tế và chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị quy định tại Phụ lục số 03 Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố
-	Đối với khảo sát học tập ngoài nước	Mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí;
2	Thông tin tuyên truyền	
2.1	Nội dung hoạt động, phương thức tổ chức thông tin tuyên truyền và chính sách thông tin tuyên truyền được thực hiện theo quy định tại Điều 7 và Điều 28 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ.	

STT	Nội dung	Mức chi
2.2	Tuyên truyền thông qua hệ thống truyền thông đại chúng; xuất bản tạp chí, tài liệu và các loại ấn phẩm khuyến nông, bản tin trang thông tin điện tử Khuyến nông	Thực hiện theo khoản 2 Điều 5 Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019 của Bộ Tài chính Quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông.
a	Hàng năm, căn cứ nhu cầu và khả năng kinh phí khuyến nông dành cho hoạt động thông tin tuyên truyền, cơ quan khuyến nông xây dựng nhiệm vụ thông tin tuyên truyền khuyến nông trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; Mức chi thực hiện theo hình thức hợp đồng với cơ quan tuyên truyền và cơ quan thông tin đại chúng theo phương thức đầu thầu, trường hợp đặt hàng giao nhiệm vụ thực hiện theo đơn giá được cấp thẩm quyền phê duyệt.	
b	Đối với nhuận bút cho tác phẩm (tin, bài, ảnh, thơ, clip, ...) đăng trên Bản tin khuyến nông, trang thông tin điện tử khuyến nông, tài liệu tuyên truyền khuyến nông và tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng).	Mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị định số 61/2002/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ về chế độ nhuận bút, Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ về chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản và Nghị định số 21/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác.
2.3	Tổ chức diễn đàn, tọa đàm, hội thảo, tham quan học tập	+ Thực hiện theo chế độ chi công tác phí, chi hội nghị quy định tại Phụ lục số 03 Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố. + Mức chi chủ tọa và ban cố vấn, báo cáo viên, bồi dưỡng viết báo cáo diễn đàn, tọa đàm, hội thảo theo nội dung, mức chi xây dựng và thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, dự án, đề án cấp Thành phố không phải là nhiệm vụ khoa học và công nghệ nhưng có tính chất tương tự tại Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân Thành phố.
2.4	Tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết khuyến nông, Hội nghị giao ban khuyến nông vùng	Mức chi thực hiện theo chế độ chi hội nghị quy định tại Phụ lục số 03 Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố.

STT	Nội dung	Mức chi
2.5	Tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm hàng nông nghiệp Việt Nam tại Hà Nội và các địa bàn ngoài Hà Nội	Thực hiện theo nội dung chi và mức chi hỗ trợ tại điểm b Khoản 3.2 Phụ lục 06 Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân Thành phố.
2.6	Tổ chức hội thi, tuyên truyền, vận động về các hoạt động khuyến nông	Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 55/2013/TT-BTC ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí thực hiện Đề án xây dựng đời sống văn hóa công nhân ở các khu công nghiệp đến năm 2015, định hướng đến năm 2020 và Thông tư liên tịch số 43/2012/TTLT-BTC-BLĐTBXH ngày 14 tháng 3 năm 2012 của liên Bộ Tài chính và Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội quy định nội dung và mức chi hoạt động thi tay nghề các cấp
2.7	Chi ứng dụng công nghệ thông tin	Thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 19/2012/TTLT-BTC-BKHĐT-BTTTT ngày 15 tháng 02 năm 2012 của liên Bộ Tài chính - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Thông tin và truyền thông hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước.
3	Xây dựng và nhân rộng mô hình trình diễn	
3.1	Tổ chức, cá nhân là đối tượng chuyển giao và nhận chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ được hưởng các chính sách hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn và nhân rộng mô hình theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	
3.2	Nội dung, quy mô, định mức kinh tế kỹ thuật xây dựng và nhân rộng mô hình thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan có thẩm quyền.	
3.3	Một số nội dung chi, mức chi.	

Ab

STT	Nội dung	Mức chi
a	Hỗ trợ chi phí xây dựng mô hình:	
-	Mô hình trình diễn ở địa bàn khó khăn, địa bàn bị ảnh hưởng của thiên tai, dịch hại, biến đổi khí hậu theo công bố của cấp có thẩm quyền	Hỗ trợ 100% chi phí về giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình
-	Mô hình trình diễn ở địa bàn trung du, miền núi	Hỗ trợ 70% chi phí về giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình
-	Mô hình trình diễn ở địa bàn đồng bằng được	Hỗ trợ 50% chi phí về giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình;
-	Mô hình ứng dụng công nghệ cao	Hỗ trợ 40% tổng kinh phí mô hình tổng kinh phí thực hiện mô hình (đối với tất cả các địa bàn)
-	Mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh nông nghiệp	Hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện mô hình nhưng không quá 100 triệu đồng/một điểm mô hình (đối với tất cả các địa bàn)
-	Chứng nhận cơ sở sản xuất thực phẩm an toàn, cơ sở an toàn dịch bệnh khi tham gia xây dựng mô hình theo quy định hiện hành	Hỗ trợ 100% chi phí (đối với tất cả các loại mô hình)
b	Chi tập huấn kỹ thuật, sơ kết, tổng kết mô hình:	Khoản 4 Điều 5 Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính
-	Chi tài liệu, văn phòng phẩm, vật tư thực hành, thuê hội trường, trang thiết bị phục vụ, xăng xe, thuê xe.	Mức chi thực hiện theo quy định hiện hành và hợp đồng với nhà cung cấp được lựa chọn
-	Chi hỗ trợ tiền ăn, tiền nước uống	Thực hiện theo mức chi tại mục 1 của Quy định này.
-	Chi bồi dưỡng giảng viên, báo cáo viên (đã bao gồm biên soạn tài liệu).	Mức chi thực hiện theo mức chi cho công tác đào tạo bồi dưỡng các bộ công chức, viên chức và các đối tượng khác quy định tại Phụ lục số 02 Nghị quyết số 11/2018/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.

STT	Nội dung	Mức chi
c	Chi thông tin tuyên truyền, hội nghị, hội thảo, tham quan học tập nhân rộng mô hình	Mức chi áp dụng theo quy định tại mục 2 của Quy định này.
d	Chi thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình trình diễn	Tính bằng hệ số 01 mức lương cơ sở/22 công (x) số ngày thực tế tham gia chỉ đạo.
4	Tư vấn và dịch vụ khuyến nông	
4.1	Nội dung hoạt động và phương thức tổ chức tư vấn, dịch vụ khuyến nông thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	
4.2	Mức chi	
a	Đối với tư vấn thông qua các phương tiện truyền thông, diễn đàn, tọa đàm	Mức chi thực hiện theo quy định tại mục 2 của Quy định này.
b	Đối với tư vấn thông qua đào tạo, tập huấn, diễn đàn, tọa đàm	Mức chi thực hiện theo quy định tại mục 1 của Quy định này.
c	Đối với tư vấn trực tiếp, tư vấn và dịch vụ thông qua thỏa thuận, hợp đồng	Mức chi thỏa thuận, hợp đồng thực hiện theo quy định hiện hành.
5	Hợp tác quốc tế về khuyến nông	
5.1	Nội dung hoạt động và phương thức tổ chức hợp tác quốc tế về khuyến nông, chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nếu có).	
5.2	Mức chi	
a	Mức chi thực hiện theo quy định hiện hành, theo các hiệp định, nghị định thư hoặc thỏa thuận, hợp đồng chuyển giao công nghệ giữa các tổ chức, cá nhân trong nước với các tổ chức, cá nhân nước ngoài.	
b	Đón tiếp các đoàn khách nước ngoài vào làm việc	Thực hiện theo chế độ tiếp khách nước ngoài vào Việt Nam quy định tại Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 08 tháng 07 năm 2019 của Hội đồng nhân dân Thành phố
6	Nội dung chi khác	

STT	Nội dung	Mức chi
6.1	Thuê chuyên gia trong và ngoài nước phục vụ hoạt động khuyến nông, đánh giá hiệu quả hoạt động khuyến nông	Thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 9 Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính.
6.2	Mua bản quyền tác giả, công nghệ mới	Thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 9 Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính.
6.3	Mua sắm, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị phục vụ cho hoạt động khuyến nông	Thực hiện theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức và dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
6.4	Quản lý nhiệm vụ khuyến nông	
a	Cơ quan quản lý khuyến nông (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)	Được trích tối đa 3% nguồn kinh phí khuyến nông được cấp có thẩm quyền giao dự toán trong năm để phục vụ công tác quản lý khuyến nông, báo cáo cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nội dung và kinh phí trước khi thực hiện. Một số nội dung chi thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 9 Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính.
b	Tổ chức chủ trì và đơn vị triển khai thực hiện dự án, nhiệm vụ khuyến nông	Được trích 5% nguồn kinh phí khuyến nông được cấp có thẩm quyền (Trung tâm Khuyến nông hoặc cơ quan được giao nhiệm vụ thực hiện) giao dự toán trong năm để chi cho công tác tổ chức thực hiện, quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, quyết toán và chi khác (nếu có). Mức chi thực hiện theo quy định hiện hành.
6.5	Các khoản chi khác phục vụ hoạt động khuyến nông theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền. (Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính)	

Ghi chú: Trường hợp các văn bản trích dẫn tại quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng các văn bản khác của cấp có thẩm quyền thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế./.

B6